



BẢN TIN QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP Số 0815 (Từ 03/08 - 31/08/2015)	Nội dung VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Trang 1 1
---	--	------------------------



VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Thông tư 31/2015/TT-BLĐTBXH Ngày 31/08/2015	Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
Thông tư số 130/2015/TT-BTC Ngày 25/08/2015	Hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện
Thông tư số 127/2015/TT-BTC Ngày 21/08/2015	Hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp
Thông tư số 28/2015/TT-BCT Ngày 20/08/2015	Quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN
Thông tư số 123/2015/TT-BTC Ngày 18/08/2015	Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam
Nghị quyết số 59/NQ-CP Ngày 07/08/2015	Triển khai thi hành luật Doanh nghiệp và luật Đầu tư
Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg Ngày 04/08/2015	Quy định về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế
Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg Ngày 04/08/2015	Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
Quyết định số 1233/QĐ-TTg Ngày 03/08/2015	Phê duyệt đề án quản lý nhập khẩu đến năm 2020 phù hợp với các cam kết quốc tế

VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý



Quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN

Theo thông tư, các Doanh nghiệp có thể tự chứng nhận C/O cho hàng hoá xuất khẩu sang Lào, Indonesia và Philippines, Thái Lan thay vì phải xin cấp C/O (form D) cho từng lô hàng như hiện nay.

Tiêu chí để lựa chọn doanh nghiệp tham gia thí điểm gồm: Nhà sản xuất đồng thời là người xuất khẩu hàng hóa do chính thương nhân sản xuất; Không vi phạm quy định về xuất xứ trong 2 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký; Kim ngạch xuất khẩu đi ASEAN được cấp C/O mẫu D năm trước liền kề đạt tối thiểu 10 triệu USD; Có cán bộ được đào tạo, được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận về xuất xứ hàng hoá do đơn vị đào tạo được Bộ Công thương chỉ định cấp.

Thương nhân đáp ứng các tiêu chí trên tiến hành nộp hồ sơ để Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp Văn bản chấp thuận với mã số tự chứng nhận riêng với danh sách các mặt hàng thương nhân được tự chứng nhận. Hồ sơ và thủ tục cấp Văn bản chấp thuận như sau:

- Đơn đề nghị tham gia thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
- Đăng ký tên và mẫu chữ ký của người đại diện hợp pháp của thương nhân hoặc người được ủy quyền đã được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ đào tạo về xuất xứ hàng hóa (nộp kèm 01 (một) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân), ký trên hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ (không quá 03 (ba) người) (theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này): 01 (một) bản chính;
- Bản báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này): 01 (một) bản chính;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: 01 (một) bản sao (có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
- Báo cáo kim ngạch xuất khẩu sang ASEAN được cấp C/O mẫu D năm trước liền kề: 01 (một) bản chính (có xác nhận của Tổ chức cấp C/O nơi đăng ký hồ sơ thương nhân cấp C/O mẫu D).

Trong vòng 7 ngày làm việc, hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Xuất nhập khẩu sẽ cấp C/O mẫu D nơi thương nhân đặt cơ sở sản xuất kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân.

Văn bản chấp thuận có giá trị trong vòng 1 năm kể từ ngày cấp và thương nhân được tự chứng nhận xuất xứ trong thời gian hiệu lực của Văn bản chấp thuận, trừ trường hợp có hành vi vi phạm.

Thương nhân được lựa chọn thí điểm tự chứng nhận xuất xứ vẫn có thể xin cấp C/O mẫu D thông thường, nếu muốn. Bên cạnh đó, thương nhân phải tuân thủ đúng trách nhiệm được quy định tại Điều 11 của Thông tư để tránh bị thu hồi Văn bản chấp thuận tham gia thí điểm tự chứng nhận xuất xứ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/10/2015.

**Thông tư số 28/2015/TT-BCT
Ngày 20/08/2015**



Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam dưới hình thức trực tiếp/ủy quyền cho đại diện giao dịch, tổ chức kinh doanh chứng khoán mua, bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác; đầu tư góp vốn, mua, bán, hoán đổi cổ phần theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán; gián tiếp đầu tư dưới hình thức ủy thác vốn cho công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài quản lý.

Do đó, nhà đầu tư nước ngoài cần phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký, hồ sơ gồm:

- Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 hoặc Phụ lục 2 (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký), kèm theo bản sao văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện việc đăng ký mã số giao dịch chứng khoán;

- Tài liệu nhận diện nhà đầu tư theo hướng dẫn tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này (đối với tổ chức) hoặc bản sao hợp lệ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cá nhân);

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có đại diện giao dịch, tài liệu bổ sung bao gồm: Văn bản ủy quyền đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 10; phiếu Thông tin về đại diện giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 11; bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân) hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện giao dịch; bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của đại diện giao dịch.

Mỗi nhà đầu tư nước ngoài được mở một tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng lưu ký được phép kinh doanh ngoại hối để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam.

Tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; phân bổ công bằng và hợp lý tài sản cho từng nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với hợp đồng đã giao kết. Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, tham gia đấu giá chứng khoán theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải tách biệt riêng các lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài với các lệnh giao dịch, chỉ thị đầu tư của nhà đầu tư trong nước và của chính công ty, bảo đảm việc đầu tư chứng khoán, mua cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam. Công ty chứng khoán không được đưa ra quyết định đầu tư thay cho khách hàng (trừ trường hợp quản lý tài khoản giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân).

Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu từ 51% trở lên vốn điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 21 và khoản 24

Điều 1 [Nghị định số 60/2015/NĐ-CP](#)

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2015.

Thông tư số 123/2015/TT-BTC
Ngày 18/08/2015



Quy định về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế

1. Định mức hành lý của người nhập cảnh

Định mức hành lý được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng của người nhập cảnh như sau: Rượu đồ uống có cồn (quy định tại Điều 3 mục II của quyết định này). Đối với rượu, nếu người nhập cảnh mang nguyên chai, bình, lọ, can có dung tích lớn hơn dung tích đã nêu trên nhưng dung tích không vượt quá 01 lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Thuốc lá điếu, xì gà, người nhập cảnh chỉ được mang theo đúng định mức miễn thuế; nếu mang vượt định mức miễn thuế thì phần vượt phải được tạt gửi tại kho của Hải quan cửa khẩu và nhận lại trong thời gian quy định tại khoản 5 Điều 59 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

2. Định mức quà biếu, quà tặng miễn thuế

Quà biếu, quà tặng miễn thuế là những mặt hàng không thuộc danh mục mặt hàng cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và không thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ quà biếu, quà tặng để phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng) theo quy định của pháp luật.

Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân Việt Nam; quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho cá nhân ở nước ngoài có trị giá không vượt quá hai triệu đồng hoặc có trị giá hàng hóa vượt quá hai triệu đồng nhưng tổng số tiền thuế phải nộp dưới hai trăm nghìn đồng được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và không chịu thuế giá trị gia tăng.

Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức Việt Nam; quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho tổ chức ở nước ngoài có trị giá không vượt quá ba mươi triệu đồng được xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và không chịu thuế giá trị gia tăng.

Riêng quà biếu, quà tặng vượt định mức ba mươi triệu đồng thuộc trường hợp sau thì được xét miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ trị giá lô hàng: các đơn vị nhận hàng quà biếu, quà tặng là cơ quan hành chính, sự nghiệp công, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp nhận để sử dụng; hàng hóa là quà biếu, quà tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện.

Trường hợp không được áp dụng trong quyết định này bao gồm:

1- Việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe mô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam;

2- Việc tạm nhập khẩu, nhập khẩu hoặc mua hàng miễn thuế tại Việt Nam, xuất khẩu, tái xuất khẩu, chuyển nhượng và tiêu hủy những vật dụng cần thiết phục vụ cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam;

3- Tài sản di chuyển của chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam.

Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg
Ngày 04/08/2015

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/10/2015



BẢN TIN TÀI VIỆT

YOU'RE SMOOTH, YOU'RE SAVING

